

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý III năm 2022

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2022; Sở Công thương thực hiện báo cáo quý III năm 2022 (thời gian lấy số liệu báo cáo từ 15/6/2022 đến 14/9/2022) như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Không phát sinh.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Không phát sinh.

3. Về công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

Trong kỳ báo cáo, Sở Công thương không xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: không có.

- Tổng số danh mục TTHC được công bố: không có; trong đó số TTHC được công khai: không có.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương: 112 TTHC; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: 112 TTHC; số TTHC do địa phương quy định: không có.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC:

Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Quyết định số 18/QĐ-SCT ngày 25/02/2022 của Sở Công thương ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2022: 01 TTHC (Cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).

Sở Công thương đã thực hiện rà soát và báo cáo kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC năm 2022 tại Báo cáo số 97/BC-SCT ngày 01/8/2022. Qua rà soát, Sở Công thương không có phương án đơn giản hóa và đề xuất giữ nguyên TTHC Cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo: không có.
- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: không có.
- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: không có.

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 6.491 hồ sơ, trong đó: số mới tiếp nhận trong kỳ: 6.478 hồ sơ (trực tuyến: 6.004 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 474 hồ sơ); số từ kỳ trước chuyển qua: 13 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 6.482 hồ sơ (*chiếm tỉ lệ 99,86% số lượng hồ sơ tiếp nhận*); trong đó, giải quyết trước hạn: 6.478 hồ sơ (*chiếm tỉ lệ 99,94% số lượng hồ sơ đã giải quyết*); đúng hạn: 04 hồ sơ (*chiếm tỉ lệ 0,06% số lượng hồ sơ đã giải quyết*); quá hạn: không có.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 09 hồ sơ (*chiếm tỉ lệ 0,14% số lượng hồ sơ tiếp nhận*); trong đó, trong hạn: 09 hồ sơ; quá hạn: không có.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Nhằm triển khai có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, Sở Công thương đã thực hiện thông báo thay quán triệt nội dung Nghị định trên Hệ thống tác nghiệp điện tử E-O đến các cán bộ, công chức của Sở.

Phân công công chức hướng dẫn công dân tạo lập tài khoản trực tuyến trên Trang thông tin điện tử của Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh, nhằm đẩy mạnh việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến và nâng cao chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Bố trí, phân công 02 công chức đủ năng lực chuyên môn để thực hiện toàn bộ quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.

Sở Công thương đã triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi hệ thống Quản lý chất lượng từ TCVN ISO 9001: 2008 sang TCVN ISO 9001: 2015; đồng thời ban hành Quyết định số 99/QĐ-SCT ngày 08/9/2020 về việc phê duyệt Bản tự công bố Hệ thống quản lý chất lượng của Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa phù hợp với TCVN ISO 9001: 2015.

Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh, giám đốc Sở Công thương được ủy quyền phê duyệt quy trình nội bộ về giải quyết TTHC đối với các thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Trong kỳ báo cáo, Sở Công thương không ban hành Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC.

Sử dụng các biểu mẫu theo quy định tại Điều 9 - Nghị định 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ trong quá trình giải quyết TTHC.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

- Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử: Sở Công thương đã tổ chức rà soát danh mục TTHC lĩnh vực ngành công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, UBND huyện và UBND cấp xã trình UBND tỉnh công bố cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính. Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Công thương có 29 quy trình TTHC thực hiện trực tuyến mức độ 3; 09 quy trình TTHC thực hiện trực tuyến mức độ 4 và 24 quy trình TTHC thực hiện thanh toán trực tuyến (*theo Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh về công bố Danh mục TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*).

- Tình hình tích hợp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: tính đến thời điểm báo cáo, lĩnh vực ngành công thương có 47 dịch vụ công được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, cụ thể: 35 dịch vụ công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương và 12 dịch vụ công thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện. (các TTHC được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thể hiện cụ thể tại Biểu số II.08/VPCP/KSTT về Tình hình triển khai TTHC trên môi trường điện tử của Sở Công thương)

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Sở Công thương thường xuyên cập nhật tin, bài liên quan đến lĩnh vực ngành; các hoạt động ngành công thương; văn bản quy phạm pháp luật mới và chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước lên Trang thông tin điện tử của Sở.

Triển khai dịch vụ tin nhắn thông báo kết quả giải quyết hồ sơ tự động và theo nhu cầu tổ chức, cá nhân.

Tích cực vận động, tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp thực hiện giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 3, 4; Tiếp tục tuyên truyền trực quan khẩu hiệu “*Hãy nộp hồ sơ điện tử để giảm giấy tờ, thời gian và chi phí*” tại Bộ phận Một cửa.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

Không có.

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Trên cơ sở thực hiện Quyết định số 06/QĐ-SCT ngày 21/01/2022 của Sở Công thương ban hành kế hoạch về cải cách hành chính năm 2022, Sở đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính số 44/KH-SCT ngày 13/9/2022 trong đó có nội dung kiểm tra về thực hiện kiểm soát TTHC, dự kiến kiểm tra trong tháng 9/2022.

12. Nội dung khác

12.1. Tình hình, kết quả thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

Nhằm thực hiện có hiệu quả, chất lượng Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, Sở Công thương đã ban hành Quyết định số 95/QĐ-SCT ngày 10/9/2021 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa tại Sở Công thương Khánh Hòa.

Kiện toàn, bố trí các trang thiết bị phục vụ cho việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa của Sở, gồm: máy vi tính, máy photocopy, máy in 02 mặt lật giấy tự động, máy scan 02 mặt tốc độ cao, điện thoại cố định, bàn làm việc, bàn viết hồ sơ và ghế ngồi chờ dành cho tổ chức, cá nhân, nước uống, quạt máy, điều hòa nhiệt độ, bảng thông báo niêm yết. Quy định việc tổ chức, cá nhân thực hiện các giao dịch TTHC (bao gồm việc bổ sung hồ sơ) tại một địa điểm duy nhất thông qua Bộ phận Một cửa của Sở Công thương; việc bổ sung hồ sơ được thực hiện không quá 01 lần trong quá trình giải quyết hồ sơ.

Thực hiện công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương và thông tin đường dây nóng tại Bộ phận Một cửa; nội dung công khai TTHC cụ thể như sau:

- Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết;

- Nội dung chính của từng thủ tục: tên, thẩm quyền giải quyết, thành phần hồ sơ và số lượng mỗi loại, số bộ hồ sơ phải nộp, thời gian giải quyết và trả kết quả, mức phí thực hiện (nếu có), các biểu mẫu kèm theo;

- Danh mục TTHC được tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa trực tuyến từ mức độ 3 trở lên và quy trình, cách thức truy cập, nộp hồ sơ điện tử và nhận kết quả giải quyết.

Việc công khai TTHC tại Bộ phận Một cửa được thực hiện bằng 03 hình thức, bao gồm: niêm yết trên Bảng niêm yết, in thành các bộ tài liệu đặt tại bàn viết hồ sơ và hình thức công khai điện tử.

Quy định cụ thể trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận tham gia vào quá trình giải quyết TTHC và quy trình cụ thể, chi tiết giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Sở Công thương.

Trong kỳ báo cáo, Sở Công thương đã giải quyết đối với 6.482 hồ sơ TTHC, trong đó đảm bảo 100% các hồ sơ được giải quyết sớm hạn và đúng hạn, không có hồ sơ bị trễ hạn.

12.2. Kế hoạch triển khai số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền của Sở Công thương:

Thực hiện Kế hoạch số 13721/KH-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh, Sở Công thương đã ban hành Kế hoạch số 30/KH-SCT ngày 16/9/2021 về việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Mục tiêu của Kế hoạch là đảm bảo hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương trước ngày 30/6/2025.

Để triển khai có hiệu quả Kế hoạch này, Sở Công thương phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng chuyên môn và tổ chức thực hiện 02 nhiệm vụ chính sau:

- Khảo sát khối lượng kết quả giải quyết TTHC, đề xuất nhu cầu số hóa, lưu trữ bản điện tử.

- Thực hiện số hóa, tạo lập dữ liệu kết quả giải quyết TTHC vào Kho quản lý dữ liệu điện tử và trên các phân hệ thành phần thuộc Bộ phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết TTHC.

Trong kỳ báo cáo, Sở Công thương đã ban hành các văn bản đôn đốc, triển khai việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC cụ thể như: Công văn số 1392/SCT-VP ngày 01/8/2022 về việc khắc phục, nâng cao chỉ số đánh giá chi phí

tuân thủ TTHC; Công văn số 1437/SCT-VP ngày 05/8/2022 về việc triển khai thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

Trong kỳ báo cáo, Sở Công thương đã tiếp nhận 6.491 hồ sơ TTHC (trong đó có 6.482 hồ sơ đã giải quyết) và thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC đối với 6.482 hồ sơ này.

12.3. Nguyên nhân hồ sơ giải quyết quá hạn; các giải pháp đã triển khai thực hiện khắc phục tình trạng quá hạn; tham mưu, đề xuất biện pháp khắc phục (nếu có):

Không có.

12.4. Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án thực hiện liên thông các TTHC: đăng ký khai tử, xóa đăng ký thương trú, hưởng chế độ tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí:

Sở Công thương không có TTHC thuộc các lĩnh vực này.

12.5. Nội dung khác

- Nhằm thực hiện Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2022 và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, Sở Công thương đã ban hành Quyết định số 18/QĐ-SCT ngày 25/02/2022 về kế hoạch kiểm soát TTHC của Sở.

- Triển khai thực hiện Công văn số 30/VPUBND-KSTT ngày 21/02/2022 của Văn phòng UBND tỉnh ban hành mẫu Phiếu đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; hàng tháng Sở Công thương tổ chức đánh giá, nhận xét đối với những công chức tham gia vào quy trình giải quyết TTHC, qua đó kịp thời khắc phục, chấn chỉnh, đồng thời làm cơ sở cho việc đánh giá xếp loại công chức cuối năm.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 9736/UBND-KSTT ngày 01/10/2021 về việc thực hiện Đề án phân cấp trong giải quyết TTHC và Công văn số 893/VPUBND-KSTT ngày 01/10/2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc hướng dẫn rà soát, đánh giá và đề xuất phương án phân cấp trong giải quyết TTHC, Sở Công thương đã ban hành Công văn số 1679/SCT-VP ngày 12/10/2021 để triển khai đến các phòng chuyên môn thực hiện rà soát, đánh giá và đề xuất phương án phân cấp TTHC.

- Nhằm tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Sở Công thương đã thực hiện rà soát và có Công văn số 994/SCT-VP ngày 10/6/2022 đề xuất danh mục TTHC tiếp tục thực hiện trực tuyến mức độ 3-4 và danh mục TTHC không tiếp tục thực hiện trực tuyến mức độ

3-4 theo Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Nhìn chung, công tác kiểm soát TTHC luôn được lãnh đạo Sở Công thương quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC cho tổ chức, cá nhân, không để xảy ra phản ánh, kiến nghị về việc giải quyết công việc tại Bộ phận Một cửa. Phân công trách nhiệm rõ ràng, phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, đơn vị thuộc Sở trong việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC.

Việc triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Việt Nam ISO hỗ trợ có hiệu quả công tác tiếp nhận, giải quyết, xử lý TTHC tại Sở Công thương. Dịch vụ công trực tuyến đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc giải quyết TTHC nhanh, gọn, tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại, tạo sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp.

Việc xây dựng và đưa Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến và Cổng Dịch vụ công quốc gia đi vào hoạt động đã tạo điều kiện cho người dân thực hiện TTHC một cách thuận lợi.

- Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử: không có.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

Tập trung vào các nội dung chính sau đây:

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, có hiệu quả Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2022 của Sở.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền.

- Tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đến liên hệ giải quyết TTHC tại Sở bằng nhiều hình thức như: qua tờ rơi trực tiếp, qua hệ thống bưu điện, qua mạng internet.

- Đầu tư kinh phí hợp lý để duy trì và nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, nâng cao tính hiệu quả của các quy trình giải quyết TTHC theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015.

- Tăng cường kiểm tra công tác tiếp nhận và giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa.

- Tiếp tục triển khai các biện pháp nhằm đạt hiệu quả giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 3-4 phần đầu hoàn thành chỉ tiêu của UBND tỉnh.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử đầy đủ, đúng thời hạn.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Không có.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử quý III năm 2022 của Sở Công thương./.

(Báo cáo kèm theo các Biểu mẫu số II.03b/VPCP/KSTT, II.04/VPCP/KSTT, II.05a/VPCP/KSTT, II.06a/VPCP/KSTT, II.07b/VPCP/KSTT, II.08/VPCP/KSTT và Phụ lục 5)

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- BGĐ Sở (VBĐT);
- Văn phòng Sở (VBĐT);
- Lưu: VT, TTS (TL).

GIÁM ĐỐC

Lê Thu Hải

Biểu số
II.03b/VPCP/KSTT

KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI SỞ CÔNG THƯƠNG

Kỳ báo cáo: Quý III năm 2022
(Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/9/2022)

-Đơn vị báo cáo:
Sở Công thương.

-Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

I. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Sở Công thương	01	02	10	01	09	0	10	0	112

II. CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Không có										

STT	Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch	Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa	Phương án đơn giản hóa TTHC						Số tiền tiết kiệm được	Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa
			Số lượng TTHC giữ nguyên	Số lượng TTHC bãi bỏ	Số lượng TTHC sửa đổi bổ sung	Số lượng TTHC thay thế	Số lượng TTHC liên thông	Số lượng TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	THEO KẾ HOẠCH RÀ SOÁT CỦA UBND TỈNH										
1	TTHC/Nhóm TTHC quy định tại VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh										
Không có											
2	TTHC/Nhóm TTHC quy định tại VBQPPL không thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh										
	01	01	01	0	0	0	0	0	0	0	100%
II	THEO KẾ HOẠCH RÀ SOÁT CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ										
Không có											

Biểu số
II.05a/VPCP/KSTT

KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH TẠI SỞ CÔNG THƯƠNG

Kỳ báo cáo: Quý III năm 2022
(Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/9/2022)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Công thương.

-Đơn vị nhận báo cáo:

UBND tỉnh Khánh Hòa.

Đơn vị tính: **SỐ PAKN.**

STT	Tên ngành, lĩnh vực có PAKN	Số lượng PAKN được tiếp nhận					Kết quả xử lý PAKN								Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý				Đang xử lý				
			Hành vi hành chính h	Quy định hành chính h	Từ kỳ trước c	Trong g kỳ	Tổng số	Hành vi hành chính h	Quy định hành chính h	Từ kỳ trước c	Trong g kỳ	Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)=(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10)=(11)+(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)	(14)	(15)	(16)
Không có															

Biểu số
II.06a/VPCP/KSTT

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI
SỞ CÔNG THƯƠNG

Kỳ báo cáo: Quý III năm 2022
(Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/9/2022)

- Đơn vị báo cáo:
Sở Công thương.

- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa.

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) +(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9) +(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
1	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	25	1	16	8	25	24	1	0	0	0	0
2	Lĩnh vực Hóa chất	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	6.416	5.991	424	1	6.414	6.414	0	0	2	2	0
4	Lĩnh vực An toàn thực phẩm ^[1]	18	0	15	3	18	18	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	16	9	7	0	12	11	1	0	4	4	0
6	Lĩnh vực Năng lượng	1	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0

7	Lĩnh vực Kinh doanh khí	3	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0
8	Lĩnh vực Thương mại quốc tế ^[2]	1	0	0	1	0	0	0	0	1	1	0
9	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	9	3	6	0	8	6	2	0	1	1	0
10	Lĩnh vực Công nghiệp nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Lĩnh vực Dịch vụ thương mại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ ^[3]	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		6.491	6.004	474	13	6.482	6.478	4	0	9	9	0

Chú thích: - ^[1]: Số hồ sơ thực nhận thuộc Lĩnh vực An toàn thực phẩm là 19 hồ sơ; tuy nhiên có 01 hồ sơ đã bị hủy, vì vậy không đưa vào thống kê.

- ^[2]: 01 hồ sơ đang giải quyết thuộc lĩnh vực Thương mại quốc tế đang thực hiện dừng tính.

- ^[3]: TTHC thuộc Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ là thủ tục áp dụng chung cho tất cả các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, trong kỳ báo cáo Sở Công thương không phát sinh hồ sơ thuộc lĩnh vực này.

Biểu số
II.07b/VPCP/KSTT

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA
SỞ CÔNG THƯƠNG

Kỳ báo cáo: Quý III năm 2022
(Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/9/2022)

- Đơn vị báo cáo:
Sở Công thương.
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa.

Đơn vị tính: TTHC, %.

I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	cấp huyện	Cấp xã
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+ (6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+ (13)+14)	(12)	(13)	(14)
1	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	34	25	09	0	34	25	09	0	34	25	09	0
2	Lĩnh vực Hóa chất	06	06	0	0	06	06	0	0	06	06	0	0
3	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	06	06	0	0	06	06	0	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	02	02	0	0	02	02	0	0	02	02	0	0
5	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	07	07	0	0	07	07	0	0	0	0	0	0
6	Lĩnh vực Năng lượng	10	10	0	0	10	10	0	0	09	09	0	0

7	Lĩnh vực Kinh doanh khí	27	24	03	0	27	24	03	0	03	03	0	0
8	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	20	20	0	0	20	20	0	0	04	04	0	0
9	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	05	05	0	0	05	05	0	0	01	01	0	0
10	Lĩnh vực Công nghiệp nặng	01	01	0	0	01	01	0	0	01	01	0	0
11	Lĩnh vực Dịch vụ thương mại	02	02	0	0	02	02	0	0	02	02	0	0
12	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện	08	04	02	02	08	04	02	02	08	04	02	02
TỔNG CỘNG		128	112	14	02	128	112	14	02	70	57	11	02

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA SỔ CÔNG THƯƠNG

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Không có					

Biểu số
II.08/VPCP/KSTT

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

Kỳ báo cáo: Quý III năm 2022
(Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/9/2022)

- Đơn vị báo cáo:
Sở Công thương.

- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa.

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
A	DVCTT DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO							
Không có								
B	DVCTT DO UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI							
I	CẤP TỈNH							
1	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại							

1.1	DVCTT Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1	1	7	0	0	0	1
1.2	DVCTT Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1	1	2	0	0	0	1
1.3	DVCTT Thông báo hoạt động khuyến mại	1	1	5.713	0	0	0	1
1.4	DVCTT Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	1	1	269	0	0	0	1
1.5	DVCTT Đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	1	1	0	0	0	0	1
1.6	DVCTT Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	1	1	0	0	0	0	1
2	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh							
2.1	DVCTT Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	1	1	2	0	0	0	1
2.2	DVCTT Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	1	1	0	0	0	0	1

2.3	DVCTT Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	1	1	0	0	0	0	1
2.4	DVCTT Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	1	1	1	0	0	0	1
2.5	DVCTT Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	1	1	0	0	0	0	1
3	Lĩnh vực Thương mại quốc tế							
3.1	DVCTT Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1	1	0	0	0	0	1
3.2	DVCTT Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	1	1	0	0	0	0	1
3.3	DVCTT Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1	1	0	0	0	0	1
3.4	DVCTT Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số	1	1	0	0	0	0	0

	09/2018/NĐ-CP							
3.5	DVCTT Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	1	1	0	0	0	0	1
4	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước							
4.1	DVCTT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	0	0	0	1	1	1	1
4.2	DVCTT Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	0	0	0	1	1	0	1
4.3	DVCTT Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	0	0	0	1	1	0	1
4.4	DVCTT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	0	0	0	1	1	0	1
4.5	DVCTT Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	0	0	0	1	1	0	1
4.6	DVCTT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	1	1	0	0	0	0	1
4.7	DVCTT Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	1	1	0	0	0	0	1
4.8	DVCTT Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	1	1	0	0	0	0	1

4.9	DVCTT Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	0	0	0	1	1	0	1
4.10	DVCTT Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	0	0	0	1	1	0	1
5	Lĩnh vực Năng lượng							
5.1	DVCTT Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	1	1	0	0	0	0	1
5.2	DVCTT Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ	1	1	0	0	0	0	1
6	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ							
6.1	DVCTT Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1	1	9	0	0	0	1
6.2	DVCTT Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1	1	0	0	0	0	1
6.3	DVCTT Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	1	1	0	0	0	0	1

6.4	DVCTT Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiên chất thuốc nổ	1	1	0	0	0	0	1
6.5	DVCTT Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1	1	0	0	0	0	1
6.6	DVCTT Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1	1	0	0	0	0	1
6.7	DVCTT Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1	1	0	0	0	0	1
7	Lĩnh vực An toàn thực phẩm							
7.1	DVCTT Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện: (03 trường hợp)							1
7.1.1	Trường hợp cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ mặt hàng kinh doanh	0	0	0	1	1	0	
7.1.2	Trường hợp cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất	0	0	0	1	1	0	

7.1.3	Trường hợp giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh	1	1	0	0	0	0	
	TỔNG CỘNG	29	29	6.003	9	9	01	35
II	CẤP HUYỆN							
1	Lĩnh vực Kinh doanh khí							
1.1	DVCTT Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	0	0		1	1		1
1.2	DVCTT Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	0	0		1	1		1
1.2	DVCTT Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	0	0		1	1		1
2	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước							
2.1	DVCTT Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	0	0		1	1		1

2.2	DVCTT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	0	0		1	1		1
2.3	DVCTT Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	0	0		1	1		1
2.4	DVCTT Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	0	0		1	1		1
2.5	DVCTT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	0	0		1	1		1
2.6	DVCTT Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	0	0		1	1		1
2.7	DVCTT Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	0	0		1	1		1
2.8	DVCTT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	0	0		1	1		1
2.9	DVCTT Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	0	0		1	1		1
	TỔNG CỘNG	0	0		12	12		12

PHỤ LỤC 5
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SCT ngày /9/2022 của Sở Công thương)

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố hoặc công bố danh mục TTHC	Tờ trình phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính (nếu có)	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính (nếu có)	Lập hồ sơ đề xuất cập nhật TTHC theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 31/5/2019	Ghi chú
I	Cấp tỉnh							
1	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	1.005190	Dịch vụ thương mại	Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	Tờ trình số 22/TTr-SCT ngày 21/5/2020	Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	Công văn số 1187/SCT-VP ngày 30/7/2020	
2	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	2.000110	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	
3	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.000004	Xúc tiến thương mại	Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 08/8/2018				Trực tuyến mức độ 3

								- Thanh toán trực tuyến
12	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.001624	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	- Trục tuyến mức độ 4 - Thanh toán trực tuyến
13	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.001619	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	- Trục tuyến mức độ 4 - Thanh toán trực tuyến
14	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.000636	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	- Trục tuyến mức độ 4 - Thanh toán trực tuyến
15	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000645	-nt-	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 21/3/2022		Quyết định số 41/QĐ-SCT ngày 12/4/2022	Văn bản số 620/SCT-VP ngày 19/4/2022	Trục tuyến mức độ 3
16	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000647	-nt-	-nt-		-nt-	-nt-	Trục tuyến mức độ 3
17	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000648	-nt-	-nt-		-nt-	-nt-	Trục tuyến mức độ 3

18	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000669	-nt-	-nt-		-nt-	-nt-	
19	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000673	-nt-	-nt-		-nt-	-nt-	- Trực tuyến mức độ 4 - Thanh toán trực tuyến
20	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000672	-nt-	-nt-		-nt-	-nt-	
21	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000664	-nt-	-nt-		-nt-	-nt-	
22	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000666	-nt-	-nt-		-nt-	-nt-	
23	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000674	-nt-	-nt-		-nt-	-nt-	
24	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	2.002166	Thương mại quốc tế	Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 28/5/2018			Công văn số 1533/SCT-VP ngày 18/10/2019	
25	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc	1.000774	-nt-	-nt-			Công văn số 1533/	Trực tuyến mức độ 3

	trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)						SCT-VP ngày 18/10/2019	
26	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	2.000662	-nt-	-nt-				
27	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	1.001441	-nt-	-nt-				
28	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2.000665	-nt-	-nt-				
29	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	2.000322	-nt-	-nt-				
30	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500 m ²	2.000334	-nt-	-nt-				
31	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2.000339	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3
32	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu	2.000361	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3

	cầu kinh tế (ENT)							
33	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	2.000272	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3
34	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000330	-nt-	-nt-				
35	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000340	-nt-	-nt-				
36	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	2.000351	-nt-	-nt-				
37	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	2.000362	-nt-	-nt-				
38	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	2.000370	-nt-	-nt-				
39	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	2.000255	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3

40	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000063	-nt-	Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	Tờ trình số 22/TTr-SCT ngày 21/5/2020	Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	Công văn số 1187/SCT-VP ngày 30/7/2020	
41	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000347	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	
42	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000450	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	
43	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000327	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	
44	Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2.000191	Quản lý cạnh tranh	Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	Tờ trình số 22/TTr-SCT ngày 21/5/2020	Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	Công văn số 1187/SCT-VP ngày 30/7/2020	Trực tuyến mức độ 3
45	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000631	-nt-	Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 10/5/2018				Trực tuyến mức độ 3
46	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000309	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3
47	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	2.000609	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3
48	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000619	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3
49	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh	1.000481	Kinh doanh khí	Quyết định số 3129/QĐ-UBND			Công văn số	

	mua bán CNG			ngày 19/10/2018			403/SCT-TMXNK 20/3/2020	
50	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000279	-nt-	-nt-			-nt-	
51	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000354	-nt-	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Tờ trình số 55/TTr-SCT ngày 13/11/2020	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 12/01/2021	-nt-	
52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000390	-nt-	Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 19/10/2018			-nt-	
53	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000156	-nt-	Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 19/10/2018			-nt-	
54	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000166	-nt-	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Tờ trình số 55/TTr-SCT ngày 13/11/2020	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 12/01/2021	-nt-	
55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000078	-nt-	Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 19/10/2018			-nt-	
56	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000136	-nt-	Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 19/10/2018			-nt-	
57	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000142	-nt-	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Tờ trình số 55/TTr-SCT ngày 13/11/2020	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 12/01/2021	-nt-	

58	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	2.000591	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Tờ trình số 55/TTr-SCT ngày 13/11/2020	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 12/01/2021		Thanh toán trực tuyến
59	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	2.000535	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		Trực tuyến mức độ 3/4 và Thanh toán trực tuyến (tùy trường hợp cụ thể)
60	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.001158	Lĩnh vực Công nghiệp nặng	Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	Tờ trình số 22/TTr-SCT ngày 21/5/2020	Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	Công văn số 1187/SCT-VP ngày 30/7/2020	
61	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001646	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Tờ trình số 55/TTr-SCT ngày 13/11/2020	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 12/01/2021		Thanh toán trực tuyến
62	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001630	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		Thanh toán trực tuyến
63	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001636	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		Thanh toán trực tuyến

64	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000637	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Tờ trình số 55/TTr-SCT ngày 13/11/2020	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 12/01/2021		Thanh toán trực tuyến
65	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000640	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		
66	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000197	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		
67	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000626	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		
68	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000622	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		
69	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000204	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		
70	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000229	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ	Quyết định 3129/QĐ-UBND ngày 19/10/2018				Trực tuyến mức độ 3
71	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000210	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3
72	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	2.000221	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3
73	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	2.000172	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3
74	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải		-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3

	quyết của Sở Công Thương	2.001434						
75	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.001433	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3
76	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1.003401	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3
77	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001547	Lĩnh vực Hóa chất	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Tờ trình số 55/TTr-SCT ngày 13/11/2020	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 12/01/2021		Thanh toán trực tuyến
78	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001172	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		Thanh toán trực tuyến
79	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001175	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		Thanh toán trực tuyến
80	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.002758	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		Thanh toán trực tuyến
81	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.000652	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		Thanh toán trực tuyến
82	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất,	2.001161	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		Thanh toán trực tuyến

	kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp							
83	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000073	Lĩnh vực kinh doanh khí	Quyết định số 3129/QĐ-BND ngày 19/10/2018				Thanh toán trực tuyến
84	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000207	-nt-	-nt-				Thanh toán trực tuyến
85	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000201	-nt-	-nt-				Thanh toán trực tuyến
86	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000194	-nt-	-nt-				
87	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000187	-nt-	-nt-				
88	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000175	-nt-	-nt-				
89	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2000196	-nt-	-nt-				
90	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	1.000425	-nt-	-nt-				
91	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2.000180	-nt-	-nt-				
92	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000387	-nt-	-nt-				

93	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2000376	-nt-	-nt-				
94	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000371	-nt-	-nt-				
95	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000163	-nt-	-nt-				
96	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	1.000444	-nt-	-nt-				
97	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000211	-nt-	-nt-				
98	Cấp Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	2.001561	Lĩnh vực điện lực	Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 09/10/2019	Tờ trình số 41/TTr-SCT ngày 01/11/2019	Quyết định số 3598/QĐ-UBND ngày 26/11/2019	Công văn số 1941/SCT-VP ngày 25/12/2019	
99	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	2.001632	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	Công văn số 274/SCT-VP ngày 26/2/2020	
100	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương	2.001617	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	Công văn số 1941/SCT-VP ngày 25/12/2019	

101	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương	2.001549	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	
102	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	2.001535	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	
103	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4KV tại địa phương	2.001266	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	
104	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	2.001249	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	
105	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	2.001724	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	Công văn số 274/SCT-VP ngày 26/02/2020	
106	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000543	-nt-	Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	Tờ trình số 22/TTr-SCT ngày 21/5/2020	Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	Công văn số 1187/SCT-VP ngày 30/7/2020	Trực tuyến mức độ 3
107	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ	2.000526	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 3
108	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc	2.001313	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Tờ trình số 55/TTr-SCT ngày	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày		

	thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh		điện		13/11/2020	12/01/2021		
109	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	2.001300	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		
110	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	2.001322	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		
111	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	2.001292	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		
112	Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	1.010696	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 21/3/2022		Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 12/4/2022	Văn bản số 620/SCT-VP ngày 19/4/2022	
II	Cấp huyện							
1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001261	Kinh doanh khí	Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 19/10/2018				Trực tuyến mức độ 4
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001270	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 4
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001283	-nt-	-nt-				Trực tuyến mức độ 4
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.000620	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Tờ trình số 55/TTr-SCT ngày 13/11/2020	Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	Công văn số 924/SCT-VP ngày	Trực tuyến mức độ 4

							17/6/2021	
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	2.000615	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	Trực tuyến mức độ 4
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	2.001240	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	Trực tuyến mức độ 4
7	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000181	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	Trực tuyến mức độ 4
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000162	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	Trực tuyến mức độ 4
9	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	Trực tuyến mức độ 4
10	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000633	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	Trực tuyến mức độ 4
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000629	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		Trực tuyến mức độ 4
12	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.001279	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		Trực tuyến mức độ 4
13	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2.000599	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Tờ trình số 55/TTr-SCT ngày 13/11/2020	Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	Công văn số 924/SCT-VP ngày 17/6/2021	
14	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	1.000473	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	
III	Cấp xã							

